



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

HÀ QUỐC TUẤN

**KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY
DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
- CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Mã số : 60.34.02.01

Đà Nẵng – Năm 2017

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Đặng Tùng Lâm

Phản biện 1: PGS.TS Võ Thị Thúy Anh

Phản biện 2: TS. Võ Duy Khương

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính- Ngân hàng họp tại Đại Học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 27 tháng 08 năm 2017.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh Tế, ĐHQĐN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đối với một ngân hàng thương mại, công tác kiểm soát rủi ro tín dụng, đặc biệt trong hoạt động cho vay doanh nghiệp luôn là vấn đề cấp thiết. Bởi đây là đối tượng khách hàng có nhu cầu sử dụng vốn vay lớn, phát sinh thường xuyên, liên tục; hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều lĩnh vực với mục đích sử dụng vốn khá đa dạng. Đồng thời, đây cũng là đối tượng khách hàng có quy mô dư nợ thường chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng dư nợ cho vay của một ngân hàng.

Là một cán bộ khách hàng đang công tác tại Phòng Khách hàng doanh nghiệp của chi nhánh, trực tiếp thực hiện một khâu chính trong quy trình tín dụng, tôi ý thức được tầm quan trọng của công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp nhằm góp phần tăng trưởng quy mô tín dụng bền vững, có hiệu quả. Chính vì những lý do trên, tôi quyết định chọn đề tài ***“Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Đà Nẵng”***

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống các cơ sở lý luận liên quan đến rủi ro tín dụng và hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại một ngân hàng thương mại.

- Đánh giá thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

- Đề ra những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng.

3. Câu hỏi nghiên cứu

- Nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại là gì?

- Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh trong giai đoạn 2013-2016? Các biện pháp mà chi nhánh đã thực hiện để kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp là gì?.

- Ưu và nhược điểm của công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh thời gian qua và nguyên nhân phát sinh những tồn tại này là gì?

- Để nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp, trong thời gian đến, chi nhánh cần thực hiện những biện pháp gì?

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Đà Nẵng.

Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung nghiên cứu: Đề tài tập trung phân tích công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng doanh nghiệp, một trong bốn bước của hoạt động quản trị rủi ro tín dụng.

Về không gian: Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

Về thời gian: Từ năm 2013 – 2016.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết.
- Phương pháp so sánh: theo chiều dọc, chiều ngang.
- Phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp...

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Đề tài nghiên cứu mang tính ứng dụng nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng, qua đó góp phần hạn chế, giảm thiểu tổn thất xảy ra.

7. Bố cục của luận văn

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại.

- Chương 2: Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng.

- Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng.

8. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

- Trần Quang Huy (2015), *Kiểm soát rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Khánh Hòa*, thực hiện nghiên cứu tại Trường Đại học Tài chính - Marketing.

- Nguyễn Thị Mai Quyên (2015), *Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Đắk Lắk*.

- Lê Thị Hồng Thắm (2015), *Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam -Chi nhánh Đà Nẵng*.

- Nguyễn Thị Hằng Nga (2015), *Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Á Châu -Chi nhánh Đà Nẵng*.

- Nguyễn Thị Thu Loan (2016), *Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai*.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG
TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Cho vay doanh nghiệp

a. Khái niệm

b. Đặc điểm

1.1.2. Khái niệm rủi ro và rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

1.1.3. Phân loại rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

a. Theo tính chất rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng đặc thù.

- Rủi ro tín dụng hệ thống.

b. Theo nguyên nhân phát sinh rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng giao dịch.

- Rủi ro tín dụng danh mục.

1.1.4. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại

a. Nguyên nhân từ phía khách hàng

b. Nguyên nhân từ phía ngân hàng

c. Nguyên nhân khách quan

1.1.5. Dấu hiệu của rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

a. Nhóm dấu hiệu xuất phát từ tình hình tài chính của khách hàng

b. Nhóm dấu hiệu xuất phát từ yếu tố phi tài chính của khách hàng

c. Nhóm dấu hiệu xuất phát từ mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng

d. Nhóm dấu hiệu xuất phát từ ngân hàng

1.1.6. Hậu quả của rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

1.2. KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Khái niệm và nội dung quản trị rủi ro tín dụng

- Quản trị rủi ro tín dụng là quá trình xây dựng, thực thi các chiến lược, chính sách quản lý, kinh doanh tín dụng, tăng cường các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và giảm thấp nợ có vấn đề, nợ xấu nhằm đạt được các mục tiêu an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng và phát triển bền vững đối với hoạt động tín dụng của ngân hàng.

- Quản trị rủi ro tín dụng gồm 4 nội dung là nhận dạng, đo lường, kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng. Các hoạt động này được thực hiện liên tiếp nhau, tạo nên một quá trình chặt chẽ, khép kín nhằm kiểm soát được rủi ro theo mục tiêu đã đề ra.

1.2.2. Khái niệm và đặc điểm của kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

a. Khái niệm kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp là việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật, công cụ và những quá trình nhằm biến đổi rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp bằng cách kiểm soát tần suất, mức độ của rủi ro và tổn thất trong phạm vi ngân hàng có thể chấp nhận được.

b. Đặc điểm của kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

1.2.3. Mục đích và yêu cầu của kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

a. Mục đích kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

b. Yêu cầu của kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

1.2.4. Nội dung của kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Né tránh rủi ro tín dụng
- Ngăn ngừa rủi ro tín dụng
- Giảm thiểu rủi ro tín dụng
- Chuyển giao rủi ro tín dụng
- Phân tán rủi ro tín dụng

1.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng thương mại

a. Sự biến động về cơ cấu nhóm nợ trong dư nợ cho vay doanh nghiệp

- Công thức:

$$\frac{\text{Dư nợ cho doanh nghiệp được phân loại theo nhóm nợ}}{\text{Tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp}} \times 100\%$$

- Ý nghĩa: Tỷ trọng dư nợ được phân loại theo các nhóm nợ trong tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp giúp ta đánh giá được quy mô dư nợ theo nhóm nợ, sự biến động trong cơ cấu nhóm nợ qua các năm, việc tiềm ẩn khả năng chuyển nhóm nợ xấu trong thời gian đến; từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp để cải thiện chất lượng tín dụng.

b. Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp

- Công thức:

$$\frac{\text{Dư nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp}}{\text{Tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp}} \times 100\%$$

- Ý nghĩa: Đây là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá công tác

kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng. Đi sâu phân tích chỉ tiêu này, giúp ngân hàng đánh giá được tình hình nợ xấu so với kế hoạch đặt ra, sự biến động cơ cấu nợ xấu qua các năm, đánh giá khả năng thu hồi vốn đối các khoản cho vay này; từ đó đưa ra định hướng để kiểm soát rủi ro tín dụng phù hợp.

c. Tỷ lệ trích lập dự phòng xử lý rủi ro tín dụng

- Gồm tỷ lệ trích lập dự phòng xử lý rủi ro tín dụng và tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể lần lượt được tính toán như sau:

- Công thức:

$$\frac{\text{Tổng giá trị dự phòng xử lý rủi ro trong cho vay doanh nghiệp}}{\text{Tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp}} \times 100\%$$

$$\frac{\text{Tổng giá trị dự phòng xử lý rủi ro cụ thể trong cho vay doanh nghiệp}}{\text{Tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp}} \times 100\%$$

- Ý nghĩa: Đây là chỉ tiêu phản ánh nguồn dự phòng của ngân hàng được sử dụng để bù đắp trong trường hợp xảy ra tổn thất do rủi ro tín dụng. Tỷ lệ này càng cao cho thấy chất lượng tín dụng của ngân hàng chưa tốt và rủi ro gặp phải lớn.

d. Tỷ lệ xóa nợ rỗng trong cho dư nợ cho vay doanh nghiệp

- Công thức:

$$\frac{\text{Giá trị xóa nợ rỗng trong cho vay doanh nghiệp}}{\text{Tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp}} \times 100\%$$

- Ý nghĩa: Chỉ tiêu này phản ánh tỷ lệ dư nợ được phân loại nhóm 5 trong một thời gian dài và khách hàng không thể chi trả nên buộc ngân hàng phải sử dụng nguồn trích lập dự phòng để thực hiện xóa nợ trong tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp. Như vậy, chỉ tiêu này cho thấy mức độ rủi ro một cách rõ ràng hơn do phản ánh được mức tổn thất ngân hàng phải gánh chịu.

e. Tỷ lệ lãi treo trong dư nợ cho vay doanh nghiệp

- Công thức:

Giá trị lãi treo đối với hoạt động cho vay
doanh nghiệp trong kỳ

$$\frac{\text{Giá trị lãi treo đối với hoạt động cho vay doanh nghiệp trong kỳ}}{\text{Tổng lãi dự kiến phải thu đối với hoạt động cho vay doanh nghiệp trong kỳ}} \times 100\%$$

- Ý nghĩa: Chỉ tiêu này cho biết tỉ lệ số lãi không thu được trong kỳ đối với các khoản nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp gặp rủi ro trên tổng số lãi dự kiến thu.

1.2.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại***a. Nhân tố từ bên trong ngân hàng thương mại******b. Nhân tố từ bên ngoài ngân hàng thương mại*****KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng
TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng TMCP Ngoại
thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP Ngoại
thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

2.1.4. Môi trường kinh doanh của Ngân hàng TMCP
Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

a. Môi trường bên trong

- Về nguồn nhân lực
- Về các sản phẩm
- Về chính sách marketing, chăm sóc khách hàng
- Về công nghệ

b. Môi trường bên ngoài

- Môi trường kinh tế
- Môi trường pháp lý
- Đối thủ cạnh tranh

2.1.5. Kết quả kinh doanh trong giai đoạn 2013-2016 của
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.2.1. Mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

2.2.2. Đánh giá tình hình cho vay doanh nghiệp trong giai đoạn 2013-2016

2.2.3. Các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

a. Các biện pháp né tránh rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

- *Từ chối cho vay*: Đề từ chối cho vay đối với một khách hàng doanh nghiệp, chi nhánh căn cứ vào những tiêu chuẩn, điều kiện cấp tín dụng đã được VCB Trụ sở chính đưa ra. Từ đó, dựa trên kết quả thẩm định; kết quả xếp hạng tín dụng cũng như định hướng tín dụng của VCB Trụ sở chính....cấp thẩm quyền sẽ đưa ra quyết từ chối trong trường hợp khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, hoặc tiềm ẩn rủi ro tín dụng.

b. Các biện pháp ngăn ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

* *Phân quyền phán quyết tín dụng*: VCB Trụ sở chính đưa ra mức phán quyết tín dụng khá chặt chẽ đối với các cấp ra quyết định, Mức phán quyết tín dụng này được hội sở rà soát định kỳ và điều chỉnh ngay khi cần thiết nhằm phù hợp với thực tế.

* *Tuân thủ quy trình tín dụng*: Quy trình tín dụng là bảng tổng hợp mô tả công việc của ngân hàng từ khi tiếp nhận hồ sơ vay

vốn của một khách hàng cho đến khi quyết định cho vay, giải ngân, thu nợ và thanh lý hợp đồng tín dụng. Đối với mỗi ngân hàng, đây được xem là “xương sống” trong hoạt động tín dụng, đã được nghiên cứu kỹ lưỡng và thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế kinh doanh. Việc tuân thủ đúng quy trình tín dụng giúp nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa rủi ro.

** Thực hiện việc kiểm tra trước trong và sau cho vay chặt chẽ, thường xuyên:*

Để quản lý tốt khoản vay, cần tiến hành việc kiểm tra trước, trong và sau cho vay để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa rủi ro tín dụng. Đối với kiểm tra trước cho vay, việc ngăn ngừa rủi ro tín dụng trong giai đoạn này thể hiện qua việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của các hồ sơ giúp ngân hàng thuận lợi trong trường hợp cần xử lý nợ.

Đối với kiểm tra trong cho vay, cần kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ giải ngân, đánh giá tính hợp lý của nhu cầu giải ngân của khách hàng việc đáp ứng các điều kiện tiên quyết, điều kiện kèm theo của cấp phê duyệt đối với khoản cấp tín dụng....Việc ngăn ngừa rủi ro tín dụng trong giai đoạn này cần phải được lưu ý hơn nữa bởi đây là thời điểm bắt đầu thực hiện giải ngân cho khách hàng.

Đối với kiểm tra sau cho vay, theo định kỳ hoặc đột xuất khi cần, cần kiểm tra quá trình sử dụng vốn của khách hàng để đánh giá xem việc sử dụng vốn vay có đúng mục đích không, khách hàng thanh toán nợ gốc, lãi, phí có đúng hạn không; cũng như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của khách hàng có dấu hiệu bất thường nào ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của khách hàng đối với ngân hàng không, dòng tiền có về tài khoản mở tại ngân hàng thường xuyên không...

c. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

** Thực hiện cho vay có bảo đảm bằng tài sản: Tài sản đảm*

bảo là nguồn thu nợ thứ hai của ngân hàng, sau nguồn thu nợ thứ nhất là dòng tiền từ chính hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mang lại. Bên cạnh đó, việc cho vay có bảo đảm bằng tài sản sẽ gắn chặt trách nhiệm của những người điều hành công ty trong việc sử dụng nguồn vốn vay hợp lý, điều hành hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả, đảm bảo khả năng trả nợ để tránh trường hợp ngân hàng phải xử lý tài sản.

** Quy mô tài trợ đối với một khách hàng, nhóm khách hàng liên quan:*

Việc tập trung cấp tín dụng quá nhiều cho một khách hàng hay một nhóm khách hàng có liên quan sẽ tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Bởi, khi các khách hàng này gặp trục trặc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc thông đồng với nhau chiếm dụng vốn ngân hàng, sử dụng sai mục đích thì có thể dẫn đến việc không thanh toán nợ vay cho ngân hàng đầy đủ và đúng hạn, làm phát sinh rủi ro tín dụng.

** Xác định giới hạn tín dụng đối với khách hàng:* Giới hạn tín dụng là mức cấp tín dụng tối đa mà chi nhánh xem xét cấp cho một khách hàng; bao gồm giới hạn tín dụng ngắn hạn và trung dài hạn. Việc xác định giới hạn tín dụng của khách hàng được thực hiện định kỳ hàng năm nhằm đánh giá thường xuyên nhu cầu của khách hàng để phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ sau khi trừ đi phần vốn khách hàng tự thu xếp và nguồn vốn chiếm dụng.

** Trích lập dự phòng xử lý rủi ro:* Dự phòng rủi ro là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết vay. Dự phòng rủi ro được tính theo dư nợ gốc và hạch toán vào chi phí hoạt động của chi nhánh. Trong đó, dự phòng rủi ro bao gồm: Dự phòng cụ thể và Dự phòng chung. Trong thời gian qua, chi nhánh đã thực hiện trích lập dự phòng xử lý rủi ro đầy đủ, đúng quy định, giúp chi nhánh chủ động tạo nguồn để xử lý khi có tổn thất xảy ra, qua đó giúp giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đây được xem như hình thức tự bảo hiểm rủi ro

tín dụng của chi nhánh.

* *Áp dụng lãi suất cho vay theo mức độ rủi ro tín dụng*: Mức lãi suất cho vay áp dụng đối với khách hàng doanh nghiệp tại chi nhánh đã căn cứ theo mức độ rủi ro tín dụng của khoản vay. Đây là cơ sở của việc áp dụng phân bù rủi ro trong cho vay nhằm dự phòng bù đắp khi có tổn thất xảy ra. Việc đánh giá mức độ rủi ro tín dụng của khoản vay dựa vào hai yếu tố chính là xếp hạng tín dụng của khách hàng và thời hạn vay vốn.

* *Thực hiện biện pháp giảm dần dư nợ*: Qua việc kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, kết quả xếp hạng tín dụng, giá trị tài sản đảm bảo, trong trường hợp tình hình tài chính của đơn vị có dấu hiệu thua lỗ thường xuyên, dòng tiền không đảm bảo để trả nợ, hay giá trị tài sản đảm bảo giảm mạnh không đáp ứng tỉ lệ theo quy định, chi nhánh có thể thực hiện biện pháp giảm dần dư nợ để nhằm dự phòng tình huống xấu xảy ra, ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ từ khách hàng.

d. Các biện pháp chuyển giao rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

* *Mua bảo hiểm tài sản*: Theo quy định hiện hành, khách hàng vay vốn tại chi nhánh bắt buộc phải mua bảo hiểm đối với tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, bảo hiểm cháy nổ với công trình xây dựng trên đất như khách sạn, trường học, bệnh viện, nhà cửa, kho hàng....Giá trị bảo hiểm thường được mua tối đa bằng giá trị tài sản và tối thiểu phải bằng 110% giá trị khoản vay được đảm bảo bằng tài sản đó.

* *Bán nợ*: Việc bán nợ đã được chi nhánh thực hiện trong thời gian qua với một số khoản nợ xấu. Trong giai đoạn 2013-2016, chi nhánh đã thực hiện bán nợ đối với 3 khách hàng cho các doanh nghiệp, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và TCTD khác với tổng giá trị trên 100 tỷ đồng.

c. Các biện pháp phân tán rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

* *Đa dạng hóa danh mục cho vay*: Việc đa dạng hóa đối tượng cho vay giúp chi nhánh phân tán được rủi ro tín dụng khi có những tình huống bất lợi xảy ra đối với một ngành kinh tế nào đó, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

* *Thực hiện cho vay đồng tài trợ*: Hoạt động này đã giúp chi nhánh tiếp cận và thực hiện tài trợ vốn đối với khách hàng, tăng dư nợ cho vay đồng thời chia sẻ rủi ro tín dụng với các ngân hàng khác, qua đó phân tán được rủi ro tín dụng một cách có hiệu quả.

2.2.4. Các chỉ tiêu đánh giá công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng.

a. Sự biến động trong cơ cấu nhóm nợ

Trong giai đoạn 2013-2016, dư nợ cho vay doanh nghiệp được phân loại vào nhóm 1 luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp và có xu hướng ngày càng tăng, trong đó năm 2016 đạt mức cao nhất với giá trị trên 86%. Tiếp theo là dư nợ nhóm 2 với tỉ trọng trung bình khoảng 18%, còn lại là dư nợ nhóm 3-5.

Về biến động cơ cấu nhóm nợ thời gian qua, trong khi dư nợ nhóm 3 và nhóm 5 ít có sự biến động lớn cả về số tuyệt đối và tương đối, năm 2014 lại chứng kiến xu hướng tăng mạnh của dư nợ doanh nghiệp được phân loại nhóm 2. So với kế hoạch tỉ lệ nợ nhóm 2 được giao hàng năm, chi nhánh đã kiểm soát tỉ lệ nợ nhóm 2 khá tốt trong các năm 2013, 2015 và 2016. Riêng năm 2014, tỉ lệ nợ nhóm 2 thực tế cao hơn kế hoạch đặt ra là do trong năm một doanh nghiệp có dư nợ vay thuộc vào top cao nhất của chi nhánh bị phân loại nợ nhóm 2 ngoài dự kiến do kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ; không phải do phát sinh nợ quá hạn.

b. Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp

Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp 4 năm qua đều duy trì dưới mức trần được VCB Trụ sở chính giao hàng năm, cho thấy công tác kiểm soát nợ xấu tại chi nhánh khá tốt.

Tuy nhiên, đến năm 2016, tỷ lệ nợ xấu đã tăng lên mức 0,82%. Xét về số tuyệt đối, dư nợ xấu năm 2016 hiện đang ở mức cao nhất trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, trong các năm 2013-2015, nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh chủ yếu tập trung vào nhóm 3 và nhóm 4, thì sang năm 2016, tỷ lệ nợ nhóm 5 đã tăng cao, chiếm gần 50% tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp.

Như vậy, việc dư nợ xấu trong năm 2016 tăng mạnh, đặc biệt là đối với nợ nhóm 5 đã tiềm ẩn rủi ro tín dụng lớn do đây được xem là dư nợ có khả năng mất vốn, hoàn toàn có thể gây ra tổn thất cho chi nhánh nếu không có biện pháp xử lý kịp thời.

c. Tỷ lệ trích lập dự phòng xử lý rủi ro trong cho vay doanh nghiệp

Giá trị trích lập dự phòng chung tăng dần qua các năm; điều này khá dễ hiểu do theo quy định, do chi nhánh phải trích lập dự phòng 0,75% đối với phần nợ cho vay doanh nghiệp được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4. Đối với giá trị trích lập dự phòng cụ thể, tỷ lệ giá trị này trên tổng dư nợ đạt cao nhất vào năm 2014 ở mức 1,18% do đây là năm có dư nợ nhóm 2 và dư nợ xấu cao, cụ thể là nợ nhóm 4 tăng đáng kể nên chi nhánh phải trích lập dự phòng cao hơn năm trước. Nguyên nhân chính là do giá trị TSBĐ, cụ thể là bất động sản (phần giá trị nhà), máy móc thiết bị, phương tiện vận tải... giảm do hào mòn hằng năm kéo theo giá trị khấu trừ của TSBĐ giảm đòi hỏi chi nhánh phải trích lập dự phòng cao hơn. Đến năm 2016, giá trị trích lập dự phòng cụ thể cụ thể tăng lên do dư nợ cho vay doanh nghiệp nhóm 5 tăng lên đáng kể trong năm này.

2.3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.3.1. Những kết quả đạt được trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

- Quy mô dư nợ cho vay doanh nghiệp của chi nhánh không ngừng được mở rộng trong thời gian qua, đạt sự tăng trưởng ổn định, bên cạnh đó, chi nhánh vẫn kiểm soát được rủi ro tín dụng ở mức an toàn.

- Bộ máy tín dụng tại chi nhánh được sắp xếp theo hướng quản trị rủi ro, trong đó có sự phân công chức năng nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng phòng ban cũng như từng lãnh đạo và cán bộ mỗi phòng liên quan.

- Công tác thẩm định tín dụng tại chi nhánh được quan tâm đúng mức, vừa là cơ sở để sàng lọc khách hàng khi tiếp cận ban đầu, vừa để rà soát cấp tín dụng định kỳ với khách hàng hàng năm.

- Nhìn chung, chi nhánh đã tuân thủ đúng quy trình, quy chế cho vay, chính sách tín dụng, chính sách bảo đảm tín dụng, xếp hạng tín dụng, trích lập dự phòng rủi ro.....theo quy định của NHNN và VCB Trụ sở chính ban hành.

- Chi nhánh đã thực hiện đa dạng hóa danh mục cho vay, dư nợ cho vay phân bổ ở nhiều đối tượng khách hàng, nhiều ngành nghề khác nhau. Các chính sách cho vay theo ngành, chính sách lãi suất của chi nhánh áp dụng đã tính đến yếu tố rủi ro tín dụng theo nguyên tắc phân bù rủi ro.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác tín dụng tại chi nhánh được lựa chọn kỹ càng, có trình độ, kinh nghiệm, có đạo đức nghề nghiệp cũng như thường xuyên được đào tạo để trau dồi, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

a. Những hạn chế

- Tuy tỉ lệ nợ xấu được kiểm soát khá tốt, song trong các năm qua, về con số tuyệt đối, nợ xấu của chi nhánh có xu hướng tăng, đặc biệt là nợ phân loại nhóm 5.

- Công tác thẩm định tín dụng đôi khi chưa thực sự chính xác và hợp lý; chưa đem lại hiệu quả do CBKH khó có kiến thức chuyên sâu về đặc thù hoạt động kinh doanh của khách hàng.....

- Việc chấm điểm xếp hạng tín dụng, đặc biệt là chỉ tiêu phi tài chính còn chịu tác động từ ý kiến chủ quan của CBKH nên đôi lúc kết quả chấm điểm chưa phản ánh thực chất tình hình hoạt động của khách hàng, dẫn đến việc ra quyết định gặp khó khăn, thiếu chính xác.

- Công tác kiểm soát sau cho vay chưa được thực hiện một cách thường xuyên, định kỳ

- Mô hình tổ chức chưa hoàn toàn có sự phân tách độc lập giữa các chức năng nhiệm vụ, do vậy, các ý kiến thẩm định, đề xuất đưa ra đôi khi còn mang tính chủ quan của CBKH.

- Việc xác định giới hạn tín dụng đối với khách hàng đôi khi chưa thực sự phản ánh đúng nhu cầu khách hàng.

- Công tác thẩm định tài sản bảo đảm còn một số hạn chế: chủ yếu dựa vào kết quả từ công ty thẩm định giá độc lập và ý kiến chủ quan của CBKH, đôi khi chưa thực sự phản ánh được thực tế thị trường.

- Việc ngân hàng yêu cầu mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo hiện chỉ áp dụng với một số tài sản theo quy định; trong khi các tài sản khác cũng có thể xảy ra thiệt hại, giảm sút giá trị nhưng không thuộc diện bắt buộc phải có bảo hiểm, dẫn đến tiềm ẩn rủi ro tín dụng.

b. Nguyên nhân của những hạn chế

- Hiện nay, VCB nói chung và chi nhánh nói riêng vẫn chưa xây dựng được hệ thống cung cấp thông tin, cảnh báo rủi ro tín dụng của khách hàng thật sự chuẩn hóa và đầy đủ nhằm hỗ trợ công tác thẩm định thuận lợi và chính xác hơn.

- Số lượng nhân sự làm công tác tín dụng tương đối ít so với khối lượng công việc phát sinh, đòi hỏi mỗi cán bộ phải chịu áp lực công việc khá cao, nên phải phân bổ thời gian để thực hiện nhiều công việc tác nghiệp phát sinh hàng ngày, khó tập trung theo dõi chặt chẽ tình hình doanh nghiệp, việc kiểm soát rủi ro tín dụng.

- Hiện nay, công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ đã được thực hiện định kỳ theo quy định của VCB Trụ sở chính nhưng kết quả mang lại chưa thực sự hiệu quả.

- Kế hoạch tín dụng hàng năm do VCB Trụ sở chính giao thường khá cao, tạo áp lực tăng trưởng cho chi nhánh, đòi hỏi mở rộng quy mô dư nợ liên tục.

- Trong thời gian qua, tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực, song cũng còn tồn tại những khó khăn.

- Một số khách hàng của chi nhánh gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, năng lực quản lý điều hành kém nên sử dụng không hiệu quả nguồn vốn ngân hàng, cũng như khả năng chống đỡ khi gặp khó khăn yếu.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO
TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
- CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG****3.1. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRONG CHO VAY
DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI
THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

3.1.1. Những thuận lợi và khó khăn của hoạt động cho vay doanh nghiệp tại trong thời gian đến

3.1.2. Mục tiêu, định hướng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng trong hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp

**3.2. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT
RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP
TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CHI
NHÁNH ĐÀ NẴNG****3.2.1. Nâng cao hiệu quả công tác thẩm định tín dụng**

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lý của thông tin, số liệu do khách hàng cung cấp.

- Thẩm định phương án kinh doanh và dự án đầu tư.

- Để nâng cao chất lượng trong thẩm định, chi nhánh nên chia các nhóm cán bộ khách hàng chuyên phụ trách riêng các doanh nghiệp hoạt động trong một số nhóm ngành nhất định.

3.2.2. Chú trọng thực hiện kiểm tra sau cho vay chặt chẽ

- Nội dung kiểm tra:

+ Kiểm tra việc sử dụng vốn vay theo mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng, việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng tín dụng của khách hàng.

+ Kiểm tra biện pháp tổ chức triển khai và tiến độ thực hiện

dự án, phương án; đánh giá hiệu quả của dự án, phương án.

+ Kiểm tra hiện trạng, tình hình biến động tài sản cố định, thay đổi tài sản đảm bảo tiền vay.

+ Kiểm tra nguồn thu nhập của khách hàng vay (từ dự án, tiền lương, thu nhập khác...), phân tích báo cáo tài chính, đánh giá tiến độ và khả năng trả nợ....

+ Kiểm tra, xác định mức độ thiệt hại của dự án, phương án đầu tư của khách hàng vay khi xảy ra rủi ro bất khả kháng nào (bão, lũ lụt, cháy nổ, dịch bệnh...)

- Cách thức kiểm tra:

+ Kiểm tra qua hồ sơ chứng từ.

+ Kiểm tra thực tế

3.2.3. Nâng cao chất lượng thẩm định tài sản đảm bảo

- Cần hoàn thiện công tác thẩm định tài sản đảm bảo, thường xuyên đi kiểm tra thực tế để cập nhật kịp thời hiện trạng tài sản

- Chi nhánh nên thành lập bộ phận thẩm định giá trong đó ưu tiên tuyển dụng các cán bộ được đào tạo về chuyên ngành thẩm định giá.

- Việc thẩm định giá tài sản đảm bảo cần dựa trên cơ sở giá trị thực tế của tài sản đảm bảo.

- Đối với việc thuê công ty thẩm định giá độc lập, chi nhánh cũng cần tuân thủ thực hiện theo hướng dẫn của VCB Trụ sở chính về việc lựa chọn các công ty thẩm định giá trong từng thời kỳ và trong giao dịch với công ty thẩm định giá, CBKH cũng cần giữ sự khách quan, không có những tác động tiêu cực liên quan đến việc ra quyết định của công ty thẩm định giá.

3.2.4. Xác định giới hạn tín dụng phù hợp

- Việc xác định giới hạn tín dụng của khách hàng cần được thực hiện dựa trên nhu cầu tín dụng thực tế của khách hàng, căn cứ vào các quy định hiện hành để đưa ra mức giới hạn tín dụng phù hợp.

- Để xác định giới hạn tín dụng một cách chính xác, phù hợp, CBKH cần hiểu rõ hoạt động kinh doanh của khách hàng.

- Bên cạnh đó, việc xác định thời gian cho vay, kế hoạch trả nợ cần được thẩm định phù hợp với chu kỳ kinh doanh thực tế của khách hàng cũng có ý nghĩa quan trọng trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng.

3.2.5. Chú trọng việc mua bảo hiểm đối với tài sản đảm bảo

- Hiện nay, việc mua bảo hiểm chỉ được thực hiện đối với các tài sản bắt buộc phải mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật và VCB, còn đối với các trường hợp khác chủ yếu là ngân hàng khuyến khích khách hàng, chứ không bắt buộc. Tuy nhiên, để chuyên giao rủi ro tín dụng, tránh thiệt hại cho cả ngân hàng và khách hàng, chi nhánh cần tư vấn thêm cho khách hàng lợi ích về việc này và khuyến khích khách hàng tăng cường mua bảo hiểm tài sản.

3.2.6. Các giải pháp khác

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo cán bộ làm công tác tín dụng.

- Rà soát, sắp xếp lại nhân sự phục vụ công tác tín dụng

- Xây dựng bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại chi nhánh có trình độ chuyên môn, có năng lực.

- Áp dụng công nghệ trong kiểm soát rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng các phần mềm, chương trình hỗ trợ tra cứu, lưu trữ thông tin khách hàng, cảnh báo rủi ro tín dụng.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị với VCB

- Hoàn thiện mô hình bộ máy tín dụng tại chi nhánh.

- Xây dựng một bộ phận giám sát khoản vay và thu hồi nợ tại chi nhánh.

- Xây dựng hệ thống các văn bản, quy định liên quan đến công tác tín dụng một cách chặt chẽ.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

- Cần xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp về khách hàng, thu thập, hệ thống hóa, cập nhật liên tục các thông tin liên quan về giá

cả, thị trường, biến động tỉ giá, định hướng phát triển kinh tế xã hội các vùng miền; các báo cáo ngành.

- Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo cho cán bộ và lãnh đạo làm công tác tín dụng tại các chi nhánh để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

- Thực hiện giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng phù hợp

3.3.2. Kiến nghị với NHNN

- Thực hiện việc điều hành chính sách tiền tệ hiệu quả.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng (CIC).

- Chú trọng công tác thanh tra, giám sát tín dụng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Kiểm soát rủi ro tín dụng là một hoạt động có tầm quan trọng cao trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng. Trong thời gian qua, công tác này đã phát huy được vai trò trong việc kiểm soát tỉ lệ nợ xấu ổn định ở mức thấp, giúp nâng cao chất lượng tín dụng tại chi nhánh. Trong thời gian đến, với việc tiếp tục mở rộng quy mô tín dụng, công tác hoàn thiện việc kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay nói chung và cho vay doanh nghiệp nói riêng là hoạt động cần tiếp tục được chú trọng.

Với vai trò là người trực tiếp tham gia vào quy trình cấp tín dụng, tôi nhận thấy được tầm quan trọng của việc nghiên cứu về đề tài này. Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học, với kiến thức tổng quan và thực tiễn, về cơ bản nội dung luận văn đã nêu được một số nội dung như sau:

- Khái quát hóa cơ sở lý thuyết về hoạt động cho vay doanh nghiệp, về rủi ro tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh; các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng đã được chi nhánh sử dụng trong thời gian. Từ đó, đánh giá được những nguyên nhân và hạn chế trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh.

- Trên cơ sở thực trạng phát sinh, luận văn đề xuất một số giải pháp và kiến nghị mang tính khả thi, thiết thực để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận và quá trình nghiên cứu thực tế, đánh giá công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh, tác giả nhận thấy công tác này tại chi nhánh đã đạt được nhiều kết quả tích cực song vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế

cần khắc phục. Từ đó, tác giả đã đưa ra đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này tại chi nhánh, đảm bảo chất lượng tín dụng. Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm tòi song do hạn chế về thời gian và trình độ nên luận văn vẫn còn tồn tại một số thiếu sót, tác giả rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý Thầy/Cô để hoàn thiện hơn luận văn của mình.

Khoa Quản lý chuyên ngành đã kiểm tra và xác nhận:
*Tóm tắt luận văn được trình bày theo đúng quy định về hình thức
và đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng*

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized cursive letters, possibly reading 'Chuy', followed by a long horizontal line extending to the right.